|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2020/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

0

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015 ;*

*Căn cứ Luật bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 nă 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.*

# QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc xây dựng, thu thập, cập nhật, duy trì, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm; trách nhiệm của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xây dựng, cập nhật, duy trì, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

## Điều 3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm chứa đựng các thông tin cần thiết về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; các thông tin về y tế, an sinh xã hội để thực hiện chính sách bảo hiểm và các thông tin khác có liên quan đến người dân. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm là cơ sở dữ liệu của Chính phủ được dùng chung cho các hoạt động của chính phủ, của các bộ, ngành, địa phương.

## 2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm được xây dựng tập trung, thống nhất, đồng bộ trên toàn quốc và được kết nối, chia sẻ hai chiều với với Cổng dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan.

 3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm được triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm được chia sẻ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Việc thu thập, cập nhật và sử dụng thông tin tuân thủ pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân.

## Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, thu thập, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

1. Dữ liệu công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm là dữ liệu xác định công dân trong không gian số; việc xây dựng, cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm là chuyển đổi số công dân lên không gian số; việc chia sẻ, sử dụng dữ liệu công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm trong Chính phủ điện tử là việc tương tác giữa công dân trong không gian số với các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

2. Các dịch vụ, nghiệp vụ, thủ tục hành chính sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm phải lấy công dân làm trung tâm, đảm bảo sự hài lòng của người dân, tăng tối đa tính tự động hóa và giảm thiểu yêu cầu về thủ tục, giấy tờ đối với công dân.

3. Một công dân, một doanh nghiệp có một định danh duy nhất trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; Dữ liệu công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Hảo hiểm phải tham chiếu duy nhất sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; dữ liệu doanh nghiệp phải tham chiếu duy nhất sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm là Cơ sở dữ liệu tập trung, thống nhất toàn quốc về dữ liệu bảo hiểm, các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về bảo hiểm phải tham chiếu, thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

5. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm phải cập nhật chính xác ngay sau khi giao dịch về bảo hiểm người dân, doanh nghiệp với cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện hoàn tất.

6. Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm được quản lý, duy trì khai thác tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn dữ liệu cá nhân, về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của các cơ quan nhà nước.

7. Khai thác, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm là đa phương thức bao gồm cung cấp dưới dạng tra cứu thông tin, kết nối chia sẻ dữ liệu tự động giữa các hệ thống thông tin và các phương thức trích xuất dữ liệu khác.

8. Cơ sở dữ liệu quốc gia phải cung cấp được thông tin thống kê, tổng hợp nhanh chóng phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, xây dựng chính sách và hỗ trợ ra quyết định của Chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về bảo hiểm, an sinh xã hội và y tế.

9. Việc khai thác, chia sẻ, sử dụng dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

**Điều 5. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi khai thác, cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm**

1. Quyền

- Được quyền truy cập, khai thác dữ liệu về mình hoặc do mình tạo ra, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm trừ pháp luật có quy định khác.

- Phản ánh, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về nội dung dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

- Được quyền sử dụng các thông tin, dữ liệu về mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm để nộp hoặc gửi cho các cơ quan, tổ chức cá nhân yêu cầu khi thực hiện các thủ tục hành chính hoặc các hoạt động xã hội.

- Được hướng dẫn về việc khai thác, tương tác với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

2. Trách nhiệm

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin cung cấp để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

- Thực hiện đầy đủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền khi khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cung cấp thông tin để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm các quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

## Điều 6. Những hành vi không được làm

1. Phá hoại hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin hoặc cản trở quá trình vận hành, duy trì ổn định, liên tục của Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

2. Truy cập bất hợp pháp để thực hiện các hành vi làm sai lệch, thay đổi, xóa, hủy dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

3. Khai thác dữ liệu không phải của mình mà chưa được sự đồng ý của chủ thể dữ liệu hoặc không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật

4. Cung cấp thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm trái pháp luật hoặc lợi dụng việc cung cấp thông tin để trục lợi.

5. Sử dụng thông tin khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm không đúng mục đích.

**Chương II**

# THU THẬP, CẬP NHẬT, DUY TRÌ VÀ ĐÀU TƯ XÂY DỰNG

#  CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BẢO HIỂM

**Điều 7. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm**

Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm bao gồm các nhóm thông tin cơ bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân như sau:

1. Thông tin cá nhân:

a) Họ, chữ đệm và tên khai sinh;

b) Ngày, tháng, năm sinh;

c) Giới tính;

d) Mã số công dân hoặc số chứng minh nhân dân;

e) Dân tộc;

g) Quốc tịch;

h) Nơi đăng ký khai sinh;

i) Nơi thường trú;

k) Số điện thoại;

l) Họ tên cha/mẹ/người giám hộ:

m) Ảnh;

n) Thông tin sinh trắc học (Vân tay, mống mắt, thông tin nhận diện khuôn mặt).

2. Thông tin về hộ gia đình:

a) Số hộ khẩu;

b) Mã hộ gia đình;

c) Địa chỉ.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đóng bảo hiểm cho người lao động:

a) Tên tổ chức/Cá nhân;

b) Mã ngành nghề;

c) Mã số đơn vị do cơ quan BHXH cấp;

d) Quyết định thành lập/Giấy phép đăng ký kinh doanh;

đ) Địa chỉ trụ sở đăng ký;

e) Thông tin liên hệ: số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ liên lạc, địa chỉ website;

g) Loại hình đơn vị.

h) Phương thức đóng BHXH (1 tháng, 3 tháng, 6 tháng).

4. Thông tin về bảo hiểm xã hội

a) Mã số bảo hiểm xã hội;

b) Mã đơn vị quản lý người tham gia;

c) Cơ quan bảo hiểm xã hội quản lý;

d) Loại đối tượng bảo hiểm xã hội;

đ) Phương thức đóng;

e) Quá trình đóng BHXH: thời điểm bắt đầu đóng, kết thúc; tiền lương đóng (mức lương/mức thu nhập, hệ số lương); phụ cấp đóng (phụ cấp lương, các khoản bổ sung, phụ cấp nặng nhọc, độc hại);

g) Quản lý đối tượng hưởng BHXH:

- Chế độ ốm đau: mã số BHXH, thời gian đóng BHXH, mã bệnh, loại điều kiện hưởng, thời gian hưởng, mức hưởng, điều chỉnh hưởng, thu hồi

- Chế độ thai sản: mã số BHXH, thời gian đóng BHXH, loại trợ cấp hưởng, thời gian hưởng, mức hưởng, điều chỉnh hưởng, thu hồi, số lần hưởng

- Chế độ hưu trí:

+ Lương hưu hàng tháng: Mã số BHXH, thời gian đóng BHXH, loại điều kiện hưởng, tỷ lệ % hưởng, thời điểm hưởng, mức hưởng, điều chỉnh hưởng, hủy hưởng, thời gian hưởng.

+ Trợ cấp hàng tháng: Mã số BHXH, loại trợ cấp, thời gian đóng BHXH, thời điểm hưởng, mức hưởng, điều chỉnh hưởng, thời điểm hưởng, mức hưởng, điều chỉnh hưởng, hủy hưởng, thời gian hưởng

+ BHXH một lần: Mã số BHXH, loại điều kiện hưởng, thời điểm hưởng, mức hưởng, điều chỉnh hưởng, hủy hưởng.

- Chế độ tử tuất:

+ Tuất một lần: Mã số BHXH, đối tượng chết, thời gian đóng/thời gian hưởng của người chết, thời điểm hưởng, mức hưởng, điều chỉnh hưởng, hủy hưởng.

+ Tuất hàng tháng: Mã số BHXH, đối tượng chết, thời gian đóng/thời gian hưởng của người chết, loại định suất, loại điều kiện hưởng, thời điểm hưởng, mức hưởng, thời hạn hưởng, điều chỉnh hưởng, hủy hưởng

+ Trợ cấp mai táng: Mã số BHXH, thời điểm hưởng, mức hưởng, điều chỉnh hưởng, hủy hưởng.

5. Thông tin về bảo hiểm y tế:

a) Mã bảo hiểm y tế;

b) Loại đối tượng;

c) Nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu;

d) Thời điểm hết hạn;

e) Thông tin 5 năm liên tục.

6. Thông tin về bảo hiểm thất nghiệp:

a) Các giai đoạn đóng bảo hiểm: thời điểm bắt đầu, kết thúc, mức đóng bảo hiểm thất nghiệp, thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu làm căn cứ để tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp;

b) Hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp: Mã số BHXH, thời gian đóng BHTN, thời điểm hưởng, mức hưởng, thời gian hưởng, điều chỉnh hưởng, hủy hưởng, số lần hưởng;

c) Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm: Mã số BHXH, nghề được tư vấn, chi phí tư vấn, số lần được tư vấn.

d) Hỗ trợ học nghề: Mã số BHXH, nghề được hỗ trợ học, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, số lần được hỗ trợ.

e) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động: Mã số BHXH, thời gian đóng BHTN, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, số lần hỗ trợ.

7. Thông tin về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

a) Mức đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

b) Hưởng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

- Hưởng một lần: Mã số BHXH, loại tai nạn/bệnh nghề nghiệp, thời điểm hưởng, tỷ lệ suy giảm khả năng lao động, mức hưởng, điều chỉnh hưởng, hủy hưởng, loại phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình được trang cấp, niên hạn cấp;

- Hưởng hàng tháng: Mã số BHXH, loại tai nạn/bệnh nghề nghiệp, thời điểm hưởng, tỷ lệ suy giảm khả năng lao động, mức hưởng, điều chỉnh hưởng, hủy hưởng, trợ cấp phục vụ, loại phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình được trang cấp, niên hạn cấp, thời điểm kết thúc hưởng.

c) Hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

- Khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp: Mã số BHXH, loại ngành nghề, thời điểm hỗ trợ, mức hỗ trợ, số lần hỗ trợ;

- Phục hồi chức năng lao động: Mã số BHXH, tỷ lệ suy giảm khả năng lao động, mức hỗ trợ, số lần hỗ trợ, thời điểm hỗ trợ;

- Huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động: Mã số BHXH, loại đối tượng, thời điểm hỗ trợ, mức hỗ trợ, số lần hỗ trợ;

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp khi trở lại làm việc: Mã số BHXH, tỷ lệ suy giảm khả năng lao động, nghề đào tạo, thời điểm hỗ trợ, mức hỗ trợ, số lần hỗ trợ.

8. Thông tin về y tế:

8.1. Dữ liệu danh mục dùng chung trong lĩnh vực y tế:

a) Dữ liệu danh mục dịch vụ kỹ thuật, khám bệnh, giường bệnh;

b) Dữ liệu danh mục vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm;

c) Dữ liệu danh mục trang thiết bị y tế;

d) Dữ liệu danh mục thuốc: tân dược, y học cổ truyền, máu và chế phẩm của máu;

e) Dữ liệu thuốc được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam;

g) Dữ liệu kết quả phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thuốc, dược liệu, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế, trang thiết bị y tế;

h) Dữ liệu giá kê khai, kê khai lại dược phẩm, dược liệu, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế, trang thiết bị y tế;

i) Dữ liệu Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo Hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép; dữ liệu Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế;

k) Dữ liệu đơn vị nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh dược phẩm, dược liệu, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế, trang thiết bị y tế;

l) Dữ liệu danh mục mã bệnh, nhóm bệnh, chương bệnh;

m) Danh mục phẫu thuật, thủ thuật quốc tế;

n) Dữ liệu danh mục mã xét nghiệm huyết học, hóa sinh, vi sinh, chẩn đoán hình ảnh và nội soi; danh mục vị trí cơ thể;

o) Danh mục nhóm theo chi phí;

p) Danh mục mã khoa;

q) Danh mục mã tai nạn thương tích;

r) Danh mục mã gói thầu và mã nhóm thầu thuốc;

s) Dữ liệu danh mục cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

t) Dữ liệu các danh mục dùng chung khác có liên quan đến lĩnh vực y tế do Bộ Y tế ban hành.

8.2. Dữ liệu thông tin về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

a) Dữ liệu thông tin chung về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

b) Dữ liệu kết quả đấu thầu thuốc, vật tư y tế;

c) Dữ liệu danh mục dịch vụ kỹ thuật được phê duyệt thực hiện;

d) Dữ liệu cơ sở vật chất;

e) Dữ liệu danh mục trang thiết bị.

8.3. Dữ liệu nhân lực y tế.

8.4. Dữ liệu hồ sơ sức khỏe cá nhân; khám bệnh, chữa bệnh:

a) Dữ liệu hồ sơ sức khỏe cá nhân: y tế dự phòng, dữ liệu tiêm chủng, dữ liệu bệnh tật truyền nhiễm và dữ liệu bệnh tật không lây nhiễm, dữ liệu giám định y khoa, dữ liệu danh mục bệnh tật, dữ liệu hồ sơ giám định của người dân được thu thập dữ liệu;

b) Dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh: Dữ liệu y khoa lâm sàng của người bệnh, kết quả xét nghiệm, hình ảnh chẩn đoán;

c) Dữ liệu thanh toán chi phí khám bệnh; chữa bệnh BHYT.

8.5. Mô tả định dạng dữ liệu và truyền dữ liệu trong lĩnh vực y tế.

9. Thông tin về người có công:

a) Số lượt người đang hưởng trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng;

b) Số lượt người được hưởng trợ cấp ưu đãi một lần;

c) Số hộ người có công được hỗ trợ cải thiện nhà ở;

d) Số công trình ghi công liệt sỹ;

10) Thông tin về trợ giúp xã hội:

a) Trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng: đối tượng, thời điểm hưởng, kết thúc hưởng, mức hưởng;

b) Trợ giúp xã hội đột xuất: loại hình hỗ trợ, mức hỗ trợ;

c) Chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng: đối tượng, mức hỗ trợ;

d) Chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội: đối tượng, chế độ.

11) Thông tin về giảm nghèo:

a) Số cơ sở bảo trợ xã hội;

b) Số đối tượng hỗ trợ xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế;

c) Số hộ nghèo, Số hộ thoát nghèo, Số hộ nghèo phát sinh;

12. Nhóm thông tin phục vụ theo yêu cầu quản lý nhà nước của các Bộ, ngành.

a) Tổng số đối tượng tham gia chia theo các khu vực, giới tính, độ tuổi;

b) Tiền lương bình quân làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội chia theo các khu vực, giới tính, độ tuổi;

c) Tổng số thu, chi các quỹ thành phần;

d) Tuổi nghỉ hưu bình quân đối với nam và nữ;

đ) Danh mục đầu tư, lãi suất đầu tư.

## Điều 8. Xây dựng, thu thập thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

Các hình thức và cách thức xây dựng, thu thập, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm:

1. Thu thập, cập nhật từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bảo hiểm xã hội Việt Nam:

Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện trích xuất, cập nhật, đồng bộ, bổ sung thông tin tự động từ các các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bảo hiểm xã hội Việt Nam đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm hàng ngày đối với dữ liệu chủ; thời gian không quá 2 ngày đối với dữ liệu tổng hợp từ kho dữ liệu.

2. Thu thập trực tiếp từ công dân;

- Người dân cung cấp, bổ sung, cập nhật thông tin trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính theo trình tự, biểu mẫu, phương thức do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định. Thực hiện việc cung cấp, bổ sung, cập nhật thông tin trực tiếp tại cơ quan Bảo hiểm xã hội các cấp, tại đại lý thu, tại các cơ sở khám chữa bệnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Bảo hiểm xã hội Việt Nam kiểm tra, rà soát, đối chiếu thông tin theo các căn cứ được cung cấp và dữ liệu hiện có của Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm để quyết định việc cập nhật, bổ sung, thay thế thông tin của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

3. Thu thập, cập nhật dữ liệu từ các nguồn khác:

a) Nguồn dữ liệu:

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư;

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp;

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về An sinh xã hội;

- Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử;

- Cơ sở dữ liệu ngành y tế;

- Cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng;

- Cơ sở dữ liệu thuê bao di động;

- Cơ sở dữ liệu liên quan đến người tham gia và người hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm y tế của lực lượng vũ trang;

- Hệ thống chỉ tiêu cấp quốc gia và cơ sở dữ liệu cấp Bộ, ngành xây dựng, quản lý;

- Cổng dịch vụ công quốc gia;

- Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

b) Cách thức thu thập:

- Thu thập tự động: Đơn vị chủ quản nguồn dữ liệu nêu tại mục a thực hiện kết nối, cập nhật, đồng bộ, bổ sung thông tin tự động đối với dữ liệu quy định tại khoản 8, 9, 10, 11 Điều 7. Đơn vị quản lý nguồn dữ liệu đảm bảo chất lượng và tính chính xác của thông tin đã cung cấp cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

- Thu thập và rà soát đối chiếu với dữ liệu nguồn:

+ Kết nối, chia sẻ, cập nhật, bổ sung thông tin cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam từ các các nguồn dữ liệu tại mục a khoản này đối với dữ liệu quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 7.

+ Bảo hiểm xã hội Việt Nam kiểm tra, rà soát, đối chiếu thông tin theo các căn cứ được cung cấp và dữ liệu hiện có của Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm để quyết định việc cập nhật, bổ sung, thay thế thông tin của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

- Đối chiếu với dữ liệu nguồn:

Đối với những dữ liệu mà theo quy định không được phép chia sẻ hoặc hạn chế chia sẻ thì thực hiện việc đối chiếu dữ liệu như sau:

+ Đơn vị chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm thực hiện kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm với nguồn dữ liệu nêu tại mục a.

+ Cung cấp dịch vụ để Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm đối chiếu dữ liệu.

+ Bảo hiểm xã hội Việt Nam căn cứ kết quả đối chiếu để kiểm tra, rà soát, đối chiếu thông tin theo quy định.

**Điều 9. Duy trì và cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm**

1. Dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm được duy trì, sửa đổi, cập nhật trong quá trình khai thác, vận hành Cơ sở dữ liệu từ các nguồn sau:

a) Kết quả của quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, nghiệp vụ trong lĩnh vực bảo hiểm khi thao thác và xử lý trên các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về bảo hiểm phải được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

b) Từ đề xuất sửa đổi, sửa đổi của tổ chức, cá nhân khi khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm tra.

c) Dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu khác mà có các nội dung dữ liệu về cá nhân, doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm cập nhật các thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm khi có sự thay đổi hoặc sai lệch thông tin với các cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

**Điều 10. Quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm với cơ sở dữ liệu chuyên ngành về bảo hiểm**

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm chứa thông tin trích, chọn từ Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về bảo hiểm.

2. Dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về bảo hiểm phải phù hợp về cấu trúc với Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, phù hợp về nội dung với Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm trừ trường hợp đối với dữ liệu được cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu khi cập nhật dữ liệu từ cơ sơ dữ liệu chuyên ngành về bảo hiểm lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

**Điều 11. Đầu tư cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm**

1. Đối với các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương: kinh phí thực hiện nhiệm vụ được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Đối với nhiệm vụ giao cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện: Nguồn kinh phí xây dựng, thu thập, cập nhật, duy trì, chỉnh sửa, kết nối, chia sẻ, cung cấp, khai thác, sử dụng và đảm bảo an toàn cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm được sử dụng từ nguồn kinh phí chi phí quản lý bảo hiểm xã hội và kinh phí quản lý khác theo quy định của pháp luật.

**Chương III**

**QUẢN TRỊ, VẬN HÀNH CƠ SỞ DỮ LIỆU**

**Điều 12. Hệ thống quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm**

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm được quản lý, vận hành bởi hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

2. Hệ thống quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm bao gồm các thành phần sau:

a) Thành phần quản lý, duy trì, kiểm soát dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

b) Thành phần cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu, quản lý kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

c) Thành phần quản lý dịch vụ tiếp nhận dữ liệu và kiểm soát việc cập nhật dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu bên ngoài vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

d) Các thành phần phụ trợ để đảm bảo Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm thực hiện chức năng và vai trò theo quy định.

**Điều 13. Xây dựng Hệ thống quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm**

1. Hệ thống quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm xây dựng tập trung, thống nhất tại Trung ương.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm xây dựng, vận hành và duy trì Hệ thống quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm..

3. Kinh phí xây dựng, duy trì Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm được sử dụng từ chi phí quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và bảo hiểm y tế; ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 14. Kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm**

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm phải thực hiện việc đánh giá, kiểm tra, duy trì dữ liệu thực hiện theo Điều 16, Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số. Các nội dung đánh giá bao gồm:

a) Số lượng đối tượng quản lý

b) Nội dung cập nhật dữ liệu so với nội dung các thủ tục hành chính về bảo hiểm

c) Đánh giá sự sai lệch đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp.

d) Đánh giá, thống kê việc cập nhật nội dung dữ liệu từ các Cơ sở dữ liệu ngoài ngành bảo hiểm.

e) Các nội dung khác để xác định mức độ chất lược dữ liệu, sự sai lệch dữ liệu với các văn bản, dữ liệu từ các hệ thống thông tin liên quan.

f) Các nội dung khác theo quy định hiện hành.

2. Kết quả đánh giá phải lập thành văn bản nêu rõ các nội dung đánh giá và kết quả từng hạng mục, số liệu sai lệch, đề xuất phương án xử lý, gửi cho các bên liên quan bao gồm: Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Y Tế, Bộ Thông tin và Truyền thông để có ý kiến phối hợp.

3. Sau khi có ý kiến phối hợp của các cơ quan liên quan, cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện việc duy trì số liệu theo các phương án xử lý.

**Điều 15. Thanh tra, kiểm tra dữ liệu.**

1. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra dữ liệu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đối với dữ liệu về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

2. Bộ Y tế có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế đối với dữ liệu về Bảo hiểm y tế.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra về việc tuân thủ các quy định chung của pháp luật về việc quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia.

**Điều 16. Ý kiến, khiếu nại và điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm**

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có quyền khiếu nại về thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm nếu nhận thấy thông tin về mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm chưa chính xác.

2. Phương thức ý kiến, khiếu nại thực hiện qua các kênh khai thác dữ liệu hoặc qua văn bản được gửi tới cơ quan Bảo hiểm xã hội.

3. Kết quả giải quyết ý kiến, khiếu nại phải được gửi đến người ý kiến, khiếu nại qua kênh ý kiến, khiếu nại ban đầu và hình thức khác phù hợp.

4. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm điều chỉnh và cập nhật các thông tin chưa chính xác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế có trách nhiệm giám sát việc giải quyết ý kiến, khiếu nại trong phạm vi quản lý nhà nước của mình.

**Chương IV**

**KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU**

**Điều 17. Dịch vụ chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm**

1. Cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm xây dựng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia tại thời điểm thiết lập Cơ sở dữ liệu và cung cấp dưới dạng mặc định đối với các dịch vụ sau:

a) Dịch vụ chia sẻ dữ liệu bảo hiểm xã hội của công dân.

b) Dịch vụ chia sẻ dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp của công dân

c) Dịch vụ chia sẻ dữ liệu bảo hiểm y tế của công dân

d) Dịch vụ chia sẻ dữ liệu về đóng bảo hiểm của doanh nghiệp

e) Dịch thống kê đối tượng bảo hiểm theo các chỉ tiêu cơ bản

f) Các dịch vụ chia sẻ dữ liệu chủ được quy định theo Điều 7 phạm vi dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm tại Nghị định này.

2. Cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm xây dựng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu khi có yêu cầu của các cơ quan nhà nước khác và thực hiện cung cấp dữ liệu theo chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù đối với dữ liệu không được cung cấp qua các dịch vụ được quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Đối với các dịch vụ dữ liệu được quy định tại Khoản 1 Điều này phải được khai báo và cung cấp trên Hệ thống quản lý dịch vụ dữ liệu, tiếp nhận xử lý yêu cầu khai thác dịch vụ dữ liệu trên Hệ thống quản lý dịch vụ dữ liệu.

4. Bảo hiểm xã hội Việt Nam chủ trì phối hợp với Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

**Điều 18. Kết nối chia sẻ dữ liệu**

1. Các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước kết nối khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm qua nền tảng trao đổi dữ liệu nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

2. Quy trình kết nối, quản lý kết nối, chia sẻ dữ liệu thực hiện theo các quy định về kết nối chia sẻ dữ liệu tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

**Chương V**

**KHAI THÁC, SỬ DỤNG DỮ LIỆU**

**Điều 19. Đối tượng khai thác, sử dụng dữ liệu**

1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm phục vụ các hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành trong lĩnh vực bảo hiểm

2. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về bảo hiểm, việc làm và an sinh xã hội.

3. Bộ Y tế khai thác sủ dụng dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế.

4. Văn phòng Chính phủ khai thác dữ liệu phục vụ Chính phủ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông khai thác, sử dụng dữ liệu để kết hợp với các nguồn dữ liệu khác tạo ra ra các thông tin gia tăng phục vụ mục đích tham mưu, hỗ trợ ra chính sách trong Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

6. Ủy ban nhân dân các các tỉnh, thành phố sử dụng, khai thác dữ liệu thuộc phạm vi tỉnh, thành phố mình.

7. Các cơ quan nhà nước theo chức năng nhiệm vụ của mình khai thác dữ liệu phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước theo phạm vi quản lý nhà nước của mình

8. Tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân được phép khai thác và sử dụng thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm hoặc dữ liệu cá nhân của cá nhân, tổ chức khác khi cá nhân, tổ chức đó đồng ý chia sẻ.

**Điều 20. Phương thức khai thác, sử dụng dữ liệu**

1. Đối tượng khai thác, sử dụng dữ liệu là cơ quan nhà nước, việc khai thác, sử dụng dữ liệu được thực hiện qua kết nối, chia sẻ dữ liệu được quy định tại Chương IV của Nghị định này.

2. Đối tượng khai thác, sử dụng dữ liệu là cá nhân, tổ chức, việc khai thác dữ liệu qua Cổng dữ liệu quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế, Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và qua các hình thức liên lạc khác được cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

**Điều 21. Khai thác sử dụng dữ liệu phục vụ cải cách hành chính**

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có quyền trích xuất thông tin của mình trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm. Dữ liệu trích xuất có giá trị như văn bản chính thức xác nhận về thông tin bảo hiểm của cơ quan, tổ chức và cá nhân của cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

2. Cơ quan, tổ chức không được yêu cầu công dân cung cấp các giấy tờ liên quan nếu đã khai thác được thông tin của công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

**Điều 22. Công dân khai thác và kiểm soát dữ liệu về bảo hiểm của mình**

Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm phải cung cấp cho công dân những công cụ, tiện ích sau:

1. Truy cập và xem thông tin của mình trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

2. Trích xuất thông tin của mình dưới dạng văn bản điện tử có chữ ký số về xác nhận các thông tin bảo hiểm của mình.

3. Sử dụng thông tin của mình để tự động cung cấp cho các thủ tục hành chính công có liên quan.

4. Cho phép hoặc không cho phép cá nhân, tổ chức khác truy cập dữ liệu của mình; kiểm soát, tra cứu lịch sử việc sử dụng thông tin của mình bởi các cá nhân, tổ chức.

5. Khiếu nại về nội dung dữ liệu về mình.

**Điều 23. Thống kê, tổng hợp dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm**

1. Dữ liệu thống kê, tổng hợp dữ liệu về bảo hiểm là dữ liệu mở của cơ quan nhà nước và được đăng tải trên Cổng dữ liệu quốc gia. Nội dung dữ liệu thống kê, tổng hợp bao gồm số lượng người tham gia bảo hiểm, tổ chức đóng bảo hiểm kết hợp bởi một hay nhiều các chỉ tiêu sau:

a) Phân bố theo tỉnh, thành.

b) Sự thay đổi thời gian.

c) Phân bố theo độ tuổi.

d) Phân bổ theo giới tính

…

2. Dữ liệu thống kê, tổng hợp giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm và các Cơ sở dữ liệu quốc gia khác được thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

# Chương VI

# TỔ CHỨC THỰC HIỆN

## Điều 24. Quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm và thực hiện các trách nhiệm quy định tại Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm theo thẩm quyền và thực hiện các trách nhiệm quy định tại Nghị định này.

## Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các Bộ, ngành trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

2. Phối hợp với Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan liên quan trong việc xây dựng quy trình thu thập, cập nhật, khai thác, chia sẻ, kết nối giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm; mở rộng, nâng cấp, phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

3. Thanh tra, kiểm tra các thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng, ban hành theo thẩm quyền quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

**Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Y tế**

1. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện các nhiệm vụ tại Điều 25 Nghị định này.

2. Chỉ đạo các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện việc xây dựng, cập nhật các dữ liệu y tế vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm chính xác, kịp thời.

3. Thanh tra, kiểm tra các thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

## Điều 27. Trách nhiệm của các Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm với nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia để cung cấp các dịch vụ dữ liệu cho các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước.

2. Kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm với Cổng dữ liệu quốc gia, Hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu để phục vụ các cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục yêu cầu và xử lý yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu.

3. Nghiên cứu, khai thác dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm trong bối cảnh phối hợp với các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương để cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành, xây dựng chính sách, chiến lược phát triển Chính phủ điện tử.

**Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Công An**

1. Kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định hiện hành.

2. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng phương án thực hiện kết nối và chia sẻ những thông tin liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp của công an nhân dân và thân nhân phù hợp với các quy định về bảo mật và an toàn thông tin, đảm bảo an ninh quốc gia.

**Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng**

Phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng phương án thực hiện kết nối và chia sẻ những thông tin liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp thuộc sự quản lý của Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng phù hợp với các quy định về bảo mật và an toàn thông tin, đảm bảo an ninh quốc gia.

**Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp**

Kết nối và chia sẻ dữ liệu về hộ tịch với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm theo quy định hiện hành.

**Điều 31. Trách nhiệm của Ngân hàng nhà nước**

Kết nối và đối soát dữ liệu thông tin tín dụng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm theo quy định hiện hành.

**Điều 32. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1. Kết nối và chia sẻ dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm theo quy định hiện hành.

2. Chủ trì, thống nhất với Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định cụ thể đối tượng, mức thu và việc quản lý, sử dụng lệ phí cung cấp dữ liệu về bảo hiểm.

3. Hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện xây dựng, đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống thông tin phục vụ kết nối chia sẻ dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm;

**Điều 33. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

1. Kết nối và chia sẻ dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm theo quy định hiện hành.

2. Bố trí nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước để xây dựng, cập nhật, mở rộng và nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

**Điều 34. Trách nhiệm Văn phòng Chính phủ**

Kết nối và chia sẻ dữ liệu chứng thực từ bản sao điện tử và các dữ liệu dịch vụ công liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm theo quy định hiện hành.

**Điều 35. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam**

1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam là cơ quan chủ quản của Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm xây dựng, thu thập, cập nhật thông tin do ngành BHXH xây dựng ngay khi thông tin phát sinh; thu thập, cập nhật các thông tin cơ bản của công dân trong quá trình cơ quan Bảo hiểm xã hội thực hiện thủ tục hành chính với công dân; chỉnh sửa các thông tin chưa chính xác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

3. Chủ trì xây dựng, cập nhật, duy trì, chỉnh sửa, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

4. Chủ trì, phối hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc xây dựng quy trình thu thập, cập nhật, khai thác, chỉnh sửa, chia sẻ, kết nối giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

5. Cung cấp dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm theo các quy định tại Nghị định số Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

6. Kết nối, cung cấp dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm lên Cổng dữ liệu quốc gia phục vụ cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân khai thác thông tin theo quy định tại Nghị định này. Việc kết nối, chia sẻ thông tin phải đảm bảo bí mật nhà nước, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, đời sống riêng theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

7. Rà soát các thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế để đơn giản hóa giấy tờ công dân theo quy định về sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

8. Vận hành hệ thống hoạt động thông suốt, liên tục 24/24 giờ; đảm bảo điều kiện hạ tầng phục vụ kết nối, trao đổi dữ liệu theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

9. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ, sao lưu, dự phòng, phục hồi dữ liệu; các giải pháp về bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong kết nối chia sẻ theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

10. Xây dựng phương án bảo trì, nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm đáp ứng sự thay đổi về công nghệ, nghiệp vụ và quản lý.

11. Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng và trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy trình thu thập, cập nhật, khai thác, chia sẻ, sử dụng thông tin; quy trình giải quyết ý kiến khiếu nại về dữ liệu; việc mở rộng, nâng cấp, phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm; kết nối giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm và các nội dung khác có liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

**Điều 36. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

1. Chủ trì xây dựng, cập nhật, chia sẻ và kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia và dữ liệu chuyên ngành đang quản lý đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

2. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan liên quan trong việc xây dựng quy trình thu thập, cập nhật, khai thác, chia sẻ, kết nối giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

**Điều 37. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban nhân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Phối hợp xây dựng, tạo lập và vận hành, cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi dữ liệu mình quản lý cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

2. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến dữ liệu bảo hiểm, sửa đổi, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên cơ sở sẻ dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm để thay thế.

## Điều 38. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc khai thác và sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

1. Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Nghị định này và các quy định của cấp có thẩm quyền về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

2. Không được cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu do cơ quan có thẩm quyền cung cấp cho mình để khai thác, sử dụng trừ trường hợp được cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm có thẩm quyền cho phép.

3. Bảo đảm tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu do mình cung cấp. Cập nhật, thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý dữ liệu khi có sự thay đổi hoặc có sai sót đối với dữ liệu cung cấp.

4. Được quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khiếu nại, tổ cáo khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng dữ liệu của mình.

5. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp dữ liệu cung cấp dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

# Chương VII

# ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

## Điều 39. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

## Điều 40. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - Ủy ban quốc gia về ứng dụng CNTT;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KGVX (3b).  | TM. CHÍNH PHỦ**THỦ TƯỚNG**Nguyễn Xuân Phúc |